

## PHỤ LỤC

### NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CTCP VANG THẮNG LONG

(Đính kèm Tờ trình số 17/2021/TTr-HĐQT ngày 5/4/2021 của HĐQT CTCP Vang Thăng Long)

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
1.	<p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b></p> <p>1.2 Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị <i>Công ty cổ phần Vang Thăng Long</i> để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của <i>Công ty cổ phần Vang Thăng Long</i>.</p> <p>1.3 Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của <i>Công ty cổ phần Vang Thăng Long</i>.</p>	<p><b>Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b></p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về <b>vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.</b></p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và <b>những người liên quan.</b></p>	Bổ sung thêm phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2.	Không có	<p><b>Điều 2: Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>2.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a) Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;</p> <p>b) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;</p> <p>c) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;</p>	Bổ sung theo quy định tại Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>d) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>đ) Kế hoạch kinh doanh hàng năm;</p> <p>e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền</p> <p>2.2 Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của Công Ty;</p> <p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c) <b>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</b></p> <p>d) <b>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</b></p> <p><b>Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</b></p> <p>đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công Ty;</p> <p>e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công Ty;</p> <p>g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>h) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>i) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công Ty và cổ đông Công Ty;</p> <p>k) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công Ty;</p>	

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>l) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>m) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>n) Phê duyệt danh sách Công Ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công Ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>o) Công Ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất;</p> <p>p) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>q) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.</p>	
3.	Không có	<p><b>Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công Ty và theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Hội đồng quản trị thông qua kế hoạch họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường của Công Ty và ngày chốt danh sách cổ đông để tổ chức họp ĐHĐCĐ.</p>	Bổ sung theo quy định Điều 140 Luật DN 2020
4.	<b>Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ</b>	<p><b>Điều 4: Lập Danh sách cổ đông và thông báo chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp</b></p> <p>Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết</p>	Quy định chi tiết thời gian lập danh sách cổ đông và thông báo chốt theo Điều 141 Luật

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho các công ty niêm yết.</p>	<p>tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá <b>mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</b>;</p> <p>1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được <b>công bố chậm nhất 20 ngày trước ngày chốt danh sách cổ đông</b>, được công bố trên website của Công Ty, gửi Trung tâm Lưu ký chứng khoán (VSD) và công bố thông tin theo quy định.</p> <p>2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được lập <b>không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</b>.</p>	Doanh nghiệp
5.	<p><b>Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ</b></p> <p>“Thông báo ...Sở Giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm <b>nhất mười lăm (15) ngày</b> trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a.Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b.Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;</p> <p>c.Phiếu biểu quyết;</p>	<p><b>Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>“Thông báo mời họp ... nơi cổ phiếu của Công Ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <b>chậm nhất 21 ngày trước</b> ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (nếu có);</p> <p>c) Phiếu biểu quyết;</p>	Sửa đổi theo Khoản 1, Điều 143 Luật Doanh nghiệp

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>d. Mẫu giấy ủy quyền dự họp;</p> <p>e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	<p>d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	
6.	Không có	<p><b>Điều 6: Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu Đại hội đồng cổ đông.</li> <li>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại <b>khoản 2 Điều 14</b> Điều lệ Công ty có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</li> <li>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến <b>khoản 2 Điều này</b> trong các trường hợp sau: <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</li> <li>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại <b>khoản 2 Điều 14</b> Điều lệ Công ty;</li> <li>c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>d. Các trường hợp khác.</li> </ol> </li> <li>4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều</li> </ol>	Bổ sung, theo quy định tại Điều 142 Luật doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		này; đề xuất được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	
7.	Không có	<p><b>Điều 7: Ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 6 Điều 15 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Điều lệ Công ty phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự, theo mẫu quy định của Công Ty và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Trường hợp bên ủy quyền và/hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.</p> <p>3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</li> <li>b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</li> <li>c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</li> </ul> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công Ty nhận được</p>	Bổ sung việc ủy quyền dự họp

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.	
8.	<p><b>Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ</b></p> <p>Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p>	<p><b>Điều 8: Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự hoặc ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong Thư mời họp và trước thời hạn ghi trong Thư mời họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm một trong các cách thức sau:</p> <p>a. Đăng ký trực tiếp tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được qui định tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm việc cổ đông liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết, bầu cử (nếu có) tại cuộc họp Việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty và Điều 7 Quy chế này.</li> <li>- Tham dự và biểu quyết, bầu cử (nếu có) thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</li> <li>- Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. Cổ đông gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo, fax, thư điện tử đến Công Ty chậm nhất một (01) ngày trước khi khai mạc cuộc họp.</li> </ul> <p>2. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công Ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết trong suốt quá trình diễn ra Đại hội. Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông phải xuất trình giấy tờ pháp lý của cá nhân, Thư mời tham dự, Giấy ủy quyền (nếu có) với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông để đăng ký và nhận Phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có) theo quy định của Công Ty.</p> <p>3. Tất cả các cổ đông, đại diện cổ đông đã làm các thủ tục đăng ký</p>	Bổ sung chi tiết cách thức đăng ký tham dự ĐH

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>tham dự được quyền tham gia, phát biểu ý kiến trong nội dung chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p>	
9.	Không có	<p><b>Điều 9: Điều kiện tiến hành họp và hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông. <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</li> <li>b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</li> <li>c) Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</li> </ol> </li> <li>2. Hình thức thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định Điều 23, 24 Điều lệ Công Ty.</li> </ol>	Bổ sung theo quy định tại Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020



STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
10.	<p><b>Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ</b></p> <p>6.1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>6.2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p>	<p><b>Điều 10: Cách thức bỏ phiếu biểu quyết</b></p> <p>1. Hình thức bỏ phiếu biểu quyết tại Đại hội:</p> <p>Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ Thẻ biểu quyết hoặc thu Thẻ biểu quyết hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thẻ biểu quyết là phiếu in sẵn theo mẫu của Ban tổ chức, có đóng dấu của Công ty được phát cho Cổ đông khi tham dự Đại hội.</li> <li>- Tại mỗi kỳ họp, Đại hội đồng cổ đông quyết định cách thức bỏ phiếu tại Đại hội như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>(i) Sử dụng hai loại Thẻ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thẻ biểu quyết chung đối với các nội dung cần Đại hội đồng cổ đông thông qua liên quan đến trình tự, thủ tục tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông. Trong Thẻ biểu quyết chung có các thông tin về mã số cổ đông, số cổ phần của Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông tham dự Đại hội.</li> <li>+ Thẻ biểu quyết đối với các nội dung cần Đại hội đồng cổ đông thông qua để làm căn cứ ban hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong Thẻ biểu quyết này có các thông tin về: mã số cổ đông, số cổ phần của Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông tham dự Đại hội, các nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông Công ty.</li> </ul> </li> <li>(ii) Sử dụng một loại Thẻ biểu quyết chung tại đại hội: các cổ đông sử dụng Thẻ biểu quyết chung để biểu quyết tất cả các nội dung cần Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội.</li> </ul> </li> </ul> <p>2. Các cách thức bỏ phiếu biểu quyết</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ</li> </ul>	<p>Bổ sung chi tiết cách thức bỏ phiếu biểu quyết</p>

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề hoặc giơ Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.</p> <p>- Biểu quyết bằng hình thức thu Thẻ biểu quyết (trong trường hợp sử dụng Thẻ biểu quyết đối với các nội dung cần Đại hội đồng cổ đông thông qua để làm căn cứ ban hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông): Cổ đông điền vào Thẻ biểu quyết, đối với từng nội dung, cổ đông chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, cổ đông gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.</p> <p>- Bỏ phiếu điện tử: được thực hiện theo quy định tại Quy định bỏ phiếu điện tử tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông (nếu có).</p> <p>3. Mỗi Thẻ biểu quyết của Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông (01 người) chỉ được biểu quyết 01 lần (tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến) đối với cùng một vấn đề cần biểu quyết tại ĐHCĐ.</p>	
11.	Không có	<p><b>Điều 11: Cách thức bỏ phiếu bầu cử</b></p> <p>1. Nguyên tắc chung</p> <p>- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công</p>	Bổ sung thêm cách thức bỏ phiếu bầu cử

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>ty;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành viên ban kiểm phiếu không phải là người có tên trong danh sách ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</li> </ul> <p>2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử</p> <p>a) Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;</li> <li>- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;</li> <li>- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);</li> <li>- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp phiếu cũ;</li> </ul> <p>b) Trường hợp bỏ phiếu bầu cử theo hình thức khác: do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại kỳ họp đó</p>	
12.	<p><b>Điều 7. Cách thức kiểm phiếu</b></p> <p>7.1. Bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp như sau:</p> <p>Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi</p>	<p><b>Điều 12. Cách thức kiểm phiếu</b></p> <p>1. Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông thực hiện việc kiểm phiếu ngay sau khi việc biểu quyết kết thúc.</p>	

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.</p>	<p>2. Sau khi kết thúc việc giơ Thẻ biểu quyết, Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm đếm và công bố kết quả biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề đã được biểu quyết.</p> <p>3. Đối với việc thu Thẻ biểu quyết và phiếu bầu cử, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền bỏ phiếu vào thùng phiếu được ban tổ chức chuẩn bị từ trước, cuối cùng Ban kiểm phiếu kiểm đếm và tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc số phiếu bầu và công bố kết quả bầu cử ngay tại Đại hội.</p>	
13.	<p><b>Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu</b></p> <p>Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.</p>	<p><b>Điều 13. Thông báo kết quả kiểm phiếu</b></p> <p>1. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại Đại hội. Nội dung Biên bản kiểm phiếu gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số phiếu phát ra, Tổng số phiếu thu về;</li> <li>- Tổng số phiếu hợp lệ, Tổng số phiếu không hợp lệ;</li> <li>- Số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến, số phiếu có ý kiến khác đối với từng vấn đề.</li> <li>- Các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông qua, không thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty.</li> </ul> <p>2. Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của Trưởng Ban Kiểm phiếu và Thư ký. Mọi công việc kiểm tra, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu làm việc trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả đó.</p>	Bổ sung chi tiết về thông báo kết quả kiểm phiếu

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
14.	Không có	<p><b>Điều 14. Điều kiện để nghị quyết được thông qua</b></p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công Ty;</p> <p>đ) Tổ chức lại, giải thể Công Ty;</p> <p>3. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 4, 5 Điều này.</p> <p>4. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc một phương thức khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>5. Nghị quyết của ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p> <p>6. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu</p>	Bổ sung theo quy định tại Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.</p> <p>7. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty.</p>	
15.	<p><b>Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ</b></p> <p>9.1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.</p> <p>9.2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p>	<p><b>Điều 15: Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 23 Điều lệ Công ty.</li> <li>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</li> </ol>	Sửa đổi theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
16.	<p><b>Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</b></p> <p>12.1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>12.2. Trường hợp thông qua các quyết nghị sau đây không lấy ý kiến bằng văn bản:</p> <p>a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;</p> <p>b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>c. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty.</p> <p>d. Tổ chức lại, giải thể công ty</p> <p>12.3. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p>	<p><b>Điều 18: Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản bất kỳ lúc nào và bất kỳ nội dung nào thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại điều 24 Điều lệ Công Ty.</p>	Bổ sung thêm vào Quy chế sửa đổi
17.	Không có	<p><b>Điều 19: Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác</b></p>	

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		Việc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác được thực hiện theo quy chế hướng dẫn tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông đó.	
18.	Không có	<p><b>Điều 20: Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. <b>Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:</b></p> <p>Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, Quy chế Công Ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;</p> <p>b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công Ty;</p> <p>đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p>	Bổ sung theo quy định tại Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020



STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công Ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc HĐQT ở Công Ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty;</p> <p>l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty, quyết định thành lập Công Ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công Ty; yêu cầu phá sản Công Ty;</p>	

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua,; s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công Ty.	
19.	Không có	<b>Điều 21: Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị</b> Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều 39, Điều 40, Điều lệ Công ty.	Bổ sung thêm vào Quy chế sửa đổi
20.	Không có	<b>Điều 22: Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</b> 1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Ban Tổng giám đốc, người quản lý, người điều hành các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. 2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.	Bổ sung theo quy định Điều...Luật Doanh nghiệp 2020
21.	Không có	<b>Điều 23: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</b> Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có tối thiểu là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Bổ sung thêm vào Quy chế sửa đổi
22.	<b>Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề</b>	<b>Điều 25: Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị</b>	Bổ sung theo Điều 3 Quy chế mẫu theo

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p><b>cử người vào vị trí thành viên HĐQT</b></p> <p>1. Cổ đông cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp cho Cổ đông pháp nhân trong nước bao gồm các tổ chức kinh tế và các tổ chức xã hội được pháp luật Việt nam công nhận nắm giữ từ ba phần trăm (3%) trở lên số lượng cổ phần có quyền biểu quyết liên tục trong vòng sáu (06) tháng trở lên và đáp ứng đầy đủ các điều kiện tại Khoản 1 Điều này có quyền ứng cử để bầu vào Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>	<p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công Ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</li> <li>b) Trình độ chuyên môn;</li> <li>c) Quá trình công tác;</li> <li>d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công Ty khác);</li> <li>đ) Lợi ích có liên quan tới Công Ty và các bên có liên quan của Công Ty;</li> <li>e) Các thông tin khác (nếu có) theo mẫu của Công Ty;</li> <li>g) Công Ty có trách nhiệm công bố thông tin về các Công Ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công Ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</li> </ul> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công Ty.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử</p>	<p>Thông tư 116/2020/TT-BTC và Điều 274 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		và ứng cử vẫn không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần thiết bầu, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do Công Ty quy định, Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.	
23.	<p><b>Điều 15. Cách thức bầu thành viên HĐQT</b></p> <p>Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</p>	<p><b>Điều 26. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>5. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu <b>hoặc một phương thức khác do ĐHDCĐ quyết định</b>. Trường hợp thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.</p>	Bổ sung thêm cách thức bầu cử khác để thuận lợi trong việc tiến hành bầu cử HĐQT
24.	<p><b>Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT</b></p> <p>Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:</p>	<p><b>Điều 27: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công Ty.</p>	Bổ sung Điều 3 Quy chế mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thành viên đó không đủ điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 29.1 Điều lệ này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>2. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</li> <li>3. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</li> <li>4. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</li> <li>5. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</li> <li>6. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</li> <li>7. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>2. Các trường hợp bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</li> <li>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</li> <li>4. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số lượng quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</li> <li>5. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không đảm bảo số lượng theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Điều lệ Công ty;</li> <li>6. Trừ trường hợp quy định tại điểm a, b Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</li> </ol>	
25.	Không có	<p><b>Điều 29: Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.</li> </ol>	Bổ sung theo quy định tại Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	
26.	Không có	<b>Điều 30: Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản</b>	Bổ sung theo quy định tại Điều 163 Luật

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p><b>trị.</b></p> <p>1. Công Ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công Ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ, Quy chế, quy định của Công Ty.</p>	Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
27.	<p><b>Điều 19. Thông báo họp HĐQT</b></p> <p>19.1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p>	<p><b>Điều 31: Cuộc họp Hội đồng quản trị</b></p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	Bổ sung theo quy định Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020
28.	Không có	<p><b>Điều 32: Quyền dự họp Hội đồng quản trị của Kiểm soát viên</b></p> <p>Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>	Bổ sung thêm vào Quy chế sửa đổi
29.	Không có	<p><b>Điều 36: Người phụ trách quản trị Công ty</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị của Công Ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công Ty để hỗ trợ công tác quản trị Công Ty. Người phụ trách quản trị Công Ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công Ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị Công Ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các</p>	Bổ sung theo quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP



STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>báo cáo tài chính của Công Ty.</p> <p>3. Người phụ trách quản trị Công Ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công Ty và cổ đông;</li> <li>b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</li> <li>c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</li> <li>d) Tham dự các cuộc họp;</li> <li>đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</li> <li>e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</li> <li>g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công Ty;</li> <li>h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</li> <li>i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty;</li> <li>k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.</li> </ul>	
30.	Không có	<b>Điều 37: Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên</b>	Bổ sung theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp 2020

		<p>1. Vai trò của Ban kiểm soát:</p> <p>Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:</p> <p>a) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty.</p> <p>b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p> <p>c) Giám sát tình hình tài chính của Công Ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.</p> <p>d) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.</p> <p>đ) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm quy định Công Ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>e) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>g) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>h) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc.</p> <p>i) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác,</p>	
--	--	--	--

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>kip thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty.</p> <p>j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Công Ty.</p> <p>3. Trách nhiệm của Kiểm soát viên theo hực hiện theo quy định tại <b>Điều 38, Điều 39, Điều 40</b> Điều lệ Công ty</p> <p>4. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.</p>	
31.	Không có	<p><b>Điều 38. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát</b></p> <p>Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	Bổ sung theo quy định tại Điều...Luật Doanh nghiệp 2020
32.	<p><b>Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên</b></p> <p>26.1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 3 Điều 41 Điều lệ công ty.</p> <p>26.2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này.</p>	<p><b>Điều 40. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên</b></p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát Công Ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện theo quy định để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho Công Ty trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Các cổ đông phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề</p>	

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên</p> <p>c) Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử, ứng cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, ứng cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Ban kiểm soát và/hoặc các cổ đông khác đề cử. Thủ tục Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định.</p>	
33.	Không có	<p><b>Điều 44. Tiền lương, thù lao, thưởng và quyền lợi khác của Kiểm soát viên</b></p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p>	Bổ sung theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty.</p>	
34.	<p><b>Điều 33. Giám đốc</b></p> <p>33.3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, quyết định các dự án đầu tư; tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những quy chế quản lý tốt nhất;</p> <p>c. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;</p> <p>d. Quyết định việc tổ chức hoạt động, số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ trên cơ sở tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Tuyển dụng lao động;</p> <p>f. Vào ngày 31 tháng 03 hàng năm, Giám đốc phải</p>	<p><b>Điều 45: Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc</b></p> <p>1. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:          Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) <b>Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty theo phân cấp/ủy quyền của Hội đồng quản trị/Chủ tịch HĐQT, tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ, quy chế, quy định Công Ty;</b></p> <p>b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công Ty;</p> <p>d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;</p> <p>đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công Ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị/Chủ tịch HĐQT;</p> <p>e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công Ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</p> <p>g) Tuyển dụng lao động;</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020 và tình hình thực tế tại Công ty</p>

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.</p> <p>g. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;</p> <p>h. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>i. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.</p> <p>j. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>k. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc và pháp luật;</p> <p>33.4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.</p>	<p>h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.</p> <p>2. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc: thực hiện theo quy định tại Điều 38, Điều 39, Điều 40 Điều lệ Công ty.</p>	
35.	Không có	<b>Điều 51: Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản cuộc họp giữa HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc</b>	Bổ sung để quy định trình tự, thủ tục cuộc họp giữa HĐQT, TGD, BKS

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Ban Tổng Giám đốc tổ chức họp định kỳ hoặc bất thường theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.</li> <li>2. Trong trường hợp cần có sự tham gia họp của HĐQT và BKS, Tổng Giám đốc gửi Giấy mời họp tới Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban BKS để mời tham gia các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc nhằm đưa ra quyết định, giải pháp giải quyết các vướng mắc của Ban Tổng Giám đốc.</li> <li>3. Chủ tịch HĐQT chủ động phân công các thành viên HĐQT tham dự các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Ban Tổng Giám đốc tại bất kỳ thời điểm nào nếu thấy cần thiết để đảm bảo công tác quản lý, giám sát hoạt động của HĐQT Tổng Công ty.</li> <li>4. Trưởng Ban kiểm soát chủ động phân công các thành viên BKS tham dự các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Ban Tổng Giám đốc tại bất kỳ thời điểm nào nếu thấy cần thiết để đảm bảo công tác quản lý, giám sát hoạt động của BKS Tổng Công ty.</li> <li>5. Cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc được ghi biên bản (nếu cần thiết), lưu trữ biên bản họp cùng các tài liệu liên quan theo quy định của Tổng Công ty.</li> <li>6. Kết thúc cuộc họp, Tổng Giám đốc gửi biên bản cuộc họp tới các cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện, gửi Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, BKS tham gia họp để báo cáo.</li> </ol>	
36.	Không có	<p><b>Điều 52. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát</b></p> <p>Tất cả nghị quyết và biên bản của các cuộc họp của Hội đồng quản trị sẽ được chuyển bản sao đến cho Ban Kiểm soát trong vòng tối đa năm (05) ngày làm việc kể từ ngày họp HĐQT.</p>	Bổ sung thời hạn cụ thể để HĐQT gửi NQ, BBH cho BKS

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
37.	Không có	<p><b>Điều 53. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc</b></p> <p>Tất cả nghị quyết và biên bản của các cuộc họp của Hội đồng quản trị (đối các nội dung liên quan) được gửi bản sao đến cho Tổng Giám đốc trong vòng tối đa đa năm (05) ngày làm việc kể từ ngày họp HĐQT.</p>	Bổ sung thời hạn cụ thể để HĐQT gửi NQ, BBH cho TGD biết/triển khai thực hiện
38.	Không có	<p><b>Điều 54: Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi Tổng Giám đốc và đa số thành viên Ban Kiểm soát đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng Quản trị. Các vấn đề cần xin ý kiến phải thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, nếu thấy không cần thiết phải tiến hành họp, Hội đồng quản trị phải có văn bản trả lời, phân tích rõ lý do từ chối.</p> <p>2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu trên phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	Bổ sung quy định
39.	Không có	<p><b>Điều 55. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao</b></p> <p>1. Tổng Giám đốc phải báo cáo thường xuyên và kịp thời việc triển khai thực hiện các nghị quyết của HĐQT, việc thực hiện nhiệm vụ</p>	Bổ sung quy định



STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>và quyền hạn được giao hoặc phân công, ủy quyền của HĐQT/Chủ tịch HĐQT cho Tổng Giám đốc, gửi cho BKS nếu cần thiết hoặc theo yêu cầu của BKS. Khi phát hiện những vấn đề không có lợi cho Tổng Công ty, Tổng Giám đốc báo cáo với Hội đồng quản trị để ra quyết định điều chỉnh.</p> <p>2. Tổng Giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình kinh doanh của Công ty và các phương án hoạt động, khắc phục thua lỗ, kém hiệu quả; cơ cấu tổ chức Công ty, các hệ thống hiện có nhằm phát triển đội ngũ lao động của Công ty;</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể cử đại diện tham dự các buổi họp nội bộ Công ty của Tổng Giám đốc khi xét thấy cần thiết. Những cuộc họp quan trọng có liên quan đến cơ chế, chính sách, hướng phát triển trung, dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Công ty thì Tổng Giám đốc phải chủ động mời Hội đồng quản trị tham dự.</p>	
40.	Không có	<p><b>Điều 56: Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Các vấn đề Tổng Giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị.</p> <p>a. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc điều hành gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;</p> <p>b. Tổng Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị tình hình thực hiện dự</p>	Bổ sung quy định

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>án đầu tư, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị</p> <p>c. Tổng Giám đốc điều hành có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do – Công Ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.</p> <p>d. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.</p> <p>2. Các vấn đề Tổng Giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Ban kiểm soát.</p> <p>a. Tổng Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với Ban kiểm soát nhằm đảm bảo Ban kiểm soát thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty</p> <p>b. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.</p>	
41.	Không có	<p><b>Điều 57. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.</b></p> <p>1. BKS triển khai thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát công tác quản lý, điều hành và các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo định kỳ hoặc đột xuất tùy thuộc vào tình hình hoạt động của Tổng Công ty.</p>	Bổ sung quy định phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT, TGD

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>2. Trưởng BKS thông báo Tổng Giám đốc về kế hoạch kiểm tra, nội dung kiểm tra và các yêu cầu có liên quan đối với mỗi đợt kiểm tra và gửi thông báo để HĐQT biết thông tin.</p> <p>3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tuân thủ và tạo điều kiện cho hoạt động của các thành viên BKS. Tổng Giám đốc phải chỉ đạo các cá nhân, phòng/ban/đơn vị trực thuộc Tổng Công ty bố trí thời gian, nhân sự và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan theo yêu cầu của BKS.</p> <p>4. Trong quá trình kiểm tra, Tổng Giám đốc và các phòng/ban/đơn vị trực thuộc Tổng Công ty phải cung cấp hồ sơ, giải trình các nội dung theo yêu cầu của BKS. BKS có nghĩa vụ đảm bảo hoạt động kiểm tra không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty.</p> <p>5. Kết thúc mỗi đợt kiểm tra, BKS lập biên bản kiểm tra và có kết luận về kết quả kiểm tra gửi Tổng Giám đốc, HĐQT để biết thông tin.</p> <p>6. Căn cứ kết quả kiểm tra, BKS ban hành các quyết định, chỉ thị theo thẩm quyền phù hợp với quy định tại Điều lệ Tổng Công ty để Tổng Giám đốc triển khai các công việc liên quan nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho Tổng Công ty. Các văn bản này được gửi cho HĐQT để nắm thông tin và triển khai chỉ đạo, giám sát thực hiện nếu cần thiết.</p>	
42.	Không có	<p><b>Điều 58. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác</b></p> <p>Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị,</p>	Bổ sung thêm vào Quy chế sửa đổi

		<p>Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác.</p> <p>Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông.</p> <p><b>1. Đánh giá hàng năm đối với Hội đồng quản trị</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hàng năm, căn cứ mức độ hoàn thành công việc, đóng góp của các thành viên HĐQT đối với Công ty trên cơ sở các công việc được Hội đồng quản trị/Chủ tịch HĐQT giao, phân công, ủy quyền thực hiện trong năm, Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị.</li> <li>- Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo quy định của BKS</li> <li>- Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.</li> </ul> <p><b>2. Đánh giá hàng năm đối với thành viên BKS</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trưởng Ban Kiểm soát quyết định việc đánh giá năng lực, mức độ hoàn thành công việc, đóng góp của các thành viên BKS đối với Công ty trên cơ sở các công việc được Trưởng BKS giao, phân công, ủy quyền thực hiện trong năm.</li> <li>- Trưởng BKS quyết định việc khen thưởng, kỷ luật đối với từng thành viên BKS theo thẩm quyền phù hợp với quy định của Công ty.</li> <li>- Báo cáo kết quả hoạt động của BKS trình Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm thông qua.</li> </ul> <p><b>3. Đánh giá hàng năm đối với Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Tổng Công ty.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty thực hiện đánh giá hàng tháng, hàng quý, hàng năm theo quy định của Tổng Công ty.</li> <li>- Chủ tịch HĐQT phê duyệt kết quả đánh giá của Tổng Giám đốc, người quản lý khác của Công ty theo thẩm quyền quyết định tại Điều lệ Công ty và quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với TGD, người quản lý khác của Công ty trên cơ sở kết quả kinh doanh đạt được,</li> </ul>	
--	--	--	--

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		mức độ hoàn thành kế hoạch ngân sách năm đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và báo cáo đánh giá của BKS về kết quả hoạt động của Tổng Giám đốc.	
43.	Không có	<p><b>Điều 59. Sửa đổi, bổ sung quy chế nội bộ về quản trị của Công ty</b></p> <p>1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị công ty không được trái với quy định của pháp luật về Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Trong trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được quy định trong Quy chế này hoặc trường hợp pháp luật có quy định mới khác với quy định tại Quy chế thì áp dụng theo quy định của pháp luật.</p>	Bổ sung thêm vào Quy chế sửa đổi
44.	<p><b>Điều 52. Ngày hiệu lực</b></p> <p>52.1. Quy chế này gồm 12 chương 52 điều, được ĐHĐCĐ thông qua ngày 05 tháng 06 năm 2018.</p> <p>52.2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>52.3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất ½ tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.</p>	<p><b>Điều 60. Hiệu lực</b></p> <p>Quy chế này gồm 9 chương 60 điều được ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Vang Thăng Long thông qua ngày ... tháng .....năm 2021.</p>	Sửa đổi phù hợp với điều, khoản trong quy chế sửa đổi